

STTL	Lớp	Mahs1819	Họ tên	Phái	Lớp buổi 2: Môn, phòng
1	10A	1819.2018.100214	Lê Quốc Anh	Nam	10c03: TAL02 (P.10C);Td
2	10A	1819.2018.100560	Lê Thị Phương Diễm	Nữ	10c14: TVA04 (P.10P);TIN
3	10A	1819.2018.100267	Lê Trí Dũng	Nam	10c10: TLH02 (P.10K);TIN
4	10A	1819.2018.100499	Nguyễn Văn Dũng	Nam	10c04: TAL03 (P.10D);TIN
5	10A	1819.2018.100405	Trần Trung Dũng	Nam	10c01: TAH (P.10A);Td
6	10A	1819.2018.100291	Bùi Hữu Đạt	Nam	10c03: TAL02 (P.10C);TIN
7	10A	1819.2018.100501	Nguyễn Thành Đạt	Nam	10c13: TVA03 (P.10M);Td
8	10A	1819.2018.100675	Thái Tấn Đạt	Nam	10c14: TVA04 (P.10P);H
9	10A	1819.2018.100347	Vũ Minh Hoàng	Nam	10c12: TVA02 (P.10M);L
10	10A	1819.2018.100534	Nguyễn Thái Giả Hủ	Nam	10c04: TAL03 (P.10D);Td
11	10A	1819.2018.100581	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	10c14: TVA04 (P.10P);L
12	10A	1819.2018.100407	Trần Thị Quyền Linh	Nữ	10c13: TVA03 (P.10M);TIN
13	10A	1819.2018.100498	Đào Nguyên Mạnh	Nam	10c04: TAL03 (P.10D);Td
14	10A	1819.2018.100385	Nguyễn Diệu Hà My	Nữ	10c13: TVA03 (P.10M);Td
15	10A	1819.2018.100536	Nhữ Thị Thu Ngân	Nữ	10c14: TVA04 (P.10P);Td
16	10A	1819.2018.100325	Nguyễn Phương Bảo Nghi	Nữ	10c06: TALH01 (P.10F);
17	10A	1819.2018.100247	Nguyễn Hồ Như Ngọc	Nữ	10c12: TVA02 (P.10M);TIN
18	10A	1819.2018.100582	Nguyễn Huỳnh Thuý Ngọc	Nữ	10c14: TVA04 (P.10P);H
19	10A	1819.2018.100475	Nguyễn Như Ngọc	Nữ	10c01: TAH (P.10A);P
20	10A	1819.2018.100406	Nguyễn Thành Nhân	Nam	10c13: TVA03 (P.10M);TIN
21	10A	1819.2018.100425	Nguyễn Thị Yến Nhi	Nữ	10c06: TALH01 (P.10F);
22	10A	1819.2018.100290	Phạm Hoàng Phúc	Nam	10c03: TAL02 (P.10C);Td
23	10A	1819.2018.100476	Nguyễn Quang	Nam	10c09: TLH01 (P.10J);Td
24	10A	1819.2018.100384	Nguyễn Lê Quang	Nam	10c04: TAL03 (P.10D);Td
25	10A	1819.2018.100650	Vũ Quang	Nam	10c09: TLH01 (P.10J);Td
26	10A	1819.2018.100215	Huỳnh Ngô Hoàng Quân	Nam	10c09: TLH01 (P.10J);Td
27	10A	1819.2018.100232	Hoàng Như Quỳnh	Nữ	10c03: TAL02 (P.10C);TIN
28	10A	1819.2018.100278	Lê Tấn Bảo Quỳnh	Nữ	10c12: TVA02 (P.10M);Td
29	10A	1819.2018.100216	Nguyễn Thái Sơn	Nam	10c09: TLH01 (P.10J);S
30	10A	1819.2018.100308	Phạm Minh Tài	Nam	10c12: TVA02 (P.10M);TIN
31	10A	1819.2018.100175	Nguyễn Ngọc Thanh Tâm	Nữ	10c11: TVA01 (P.10L);Td
32	10A	1819.2018.100386	Chế Trần Loan Thảo	Nữ	10c13: TVA03 (P.10M);H
33	10A	1819.2018.100387	Nguyễn Hữu Thọ	Nam	10c13: TVA03 (P.10M);P
34	10A	1819.2018.100348	Hồ Ngọc Anh Thư	Nữ	10c12: TVA02 (P.10M);L
35	10A	1819.2018.100477	Hoàng Học Thy	Nữ	10c09: TLH01 (P.10J);S
36	10A	1819.2018.100174	Nguyễn Thị Phương Trang	Nữ	10c09: TLH01 (P.10J);S
37	10A	1819.2018.100500	Lê Thị Phương Trâm	Nữ	10c09: TLH01 (P.10J);TIN
38	10A	1819.2018.100277	Trần Thị Bích Trâm	Nữ	10c12: TVA02 (P.10M);Td
39	10A	1819.2018.100306	Huỳnh Thị Tuyết Trinh	Nữ	10c03: TAL02 (P.10C);S
40	10A	1819.2018.100345	Võ Đình Tuấn	Nam	10c01: TAH (P.10A);Td
41	10A	1819.2018.100346	Trần Doãn Anh Tú	Nam	10c09: TLH01 (P.10J);Td
42	10A	1819.2018.100479	Lê Đoàn Phương Uyên	Nữ	10c13: TVA03 (P.10M);TIN
43	10A	1819.2018.100559	Nguyễn Thị Thanh Vân	Nữ	10c06: TALH01 (P.10F);
44	10A	1819.2018.100307	Phạm Thị Yến Vy	Nữ	10c12: TVA02 (P.10M);H
45	10A	1819.2018.100217	Đào Thị Ánh Xuân	Nữ	10c12: TVA02 (P.10M);H
46	10A	1819.2018.100478	Nguyễn Huỳnh Phi Yến	Nữ	10c13: TVA03 (P.10M);L
47	10A	1819.2018.100535	Trần Ngọc Như Ý	Nữ	10c09: TLH01 (P.10J);S

STTL	Lớp	Mahs1819	Họ tên	Phái	Lớp buổi 2: Môn, phòng
1	10B	1819.2018.100309	Lê Quốc An	Nam	10c03: TAL02 (P.10C);Td
2	10B	1819.2018.100391	Lê Thị Thiên Ân	Nữ	10c13: TVA03 (P.10M);L
3	10B	1819.2018.100310	Đoàn Dao Ca	Nữ	10c03: TAL02 (P.10C);Td
4	10B	1819.2018.100292	Dương Thị Minh Châu	Nữ	10c03: TAL02 (P.10C);Td
5	10B	1819.2018.100362	Đặng Việt Cường	Nam	10c05: TAL04 (P.10E);Td
6	10B	1819.2018.100564	Trần Ngọc Thùy Dương	Nữ	10c08: THS (P.10H);Td
7	10B	1819.2018.100502	Võ Nguyễn Phúc Điền	Nam	10c04: TAL03 (P.10D);Td
8	10B	1819.2018.100248	Đoàn Trung Đức	Nam	10c06: TALH01 (P.10F);
9	10B	1819.2018.100583	Lê Nhị Thiên Hà	Nam	10c06: TALH01 (P.10F);
10	10B	1819.2018.100389	Nguyễn Khánh Hà	Nữ	10c04: TAL03 (P.10D);S
11	10B	1819.2018.100200	Âu Thúy Hiền	Nữ	10c03: TAL02 (P.10C);TIN
12	10B	1819.2018.100388	Lâm Chánh Hiếu	Nam	10c04: TAL03 (P.10D);Td
13	10B	1819.2018.100505	Huỳnh Phúc Huy	Nam	10c09: TLH01 (P.10J);Td
14	10B	1819.2018.100504	Nguyễn Thị Hường	Nữ	10c09: TLH01 (P.10J);Td
15	10B	1819.2018.100537	Lê Anh Khoa	Nam	10c04: TAL03 (P.10D);Td
16	10B	1819.2018.100503	Lê Nguyễn Khánh Linh	Nữ	10c04: TAL03 (P.10D);Td
17	10B	1819.2018.100312	Nguyễn Thanh Ngọc Linh	Nữ	10c03: TAL02 (P.10C);P
18	10B	1819.2018.100361	Nguyễn Việt Long	Nam	10c04: TAL03 (P.10D);TIN
19	10B	1819.2018.100311	Nguyễn Thị Ngọc Mai	Nữ	10c03: TAL02 (P.10C);Td
20	10B	1819.2018.100234	Nguyễn Hoàng Chiêu Minh	Nữ	10c03: TAL02 (P.10C);TIN
21	10B	1819.2018.100293	Nguyễn Vũ Nhật Minh	Nam	10c03: TAL02 (P.10C);Td
22	10B	1819.2018.100449	Sa Thụy Ngọc Minh	Nữ	10c04: TAL03 (P.10D);Td
23	10B	1819.2018.100602	Nguyễn Ngọc Nga	Nữ	10c05: TAL04 (P.10E);H
24	10B	1819.2018.100563	Nguyễn Thúy Ngân	Nữ	10c05: TAL04 (P.10E);Td
25	10B	1819.2018.100249	Phan Kim Ngọc	Nữ	10c06: TALH01 (P.10F);
26	10B	1819.2018.100408	Thái Thị Hồng Ngọc	Nữ	10c04: TAL03 (P.10D);Td
27	10B	1819.2018.100450	Lê Uyên Nhi	Nữ	10c04: TAL03 (P.10D);TIN
28	10B	1819.2018.100601	Trần Lê Minh Nhi	Nữ	10c05: TAL04 (P.10E);Td
29	10B	1819.2018.100480	Đỗ Minh Nhật	Nam	10c04: TAL03 (P.10D);Td
30	10B	1819.2018.100349	Nguyễn Ngọc Như Phương	Nữ	10c04: TAL03 (P.10D);Td
31	10B	1819.2018.100218	Phạm Như Quỳnh	Nữ	10c03: TAL02 (P.10C);TIN
32	10B	1819.2018.100481	Trần Ngọc Vân Quỳnh	Nữ	10c04: TAL03 (P.10D);Td
33	10B	1819.2018.100350	Phan Thanh Thảo	Nữ	10c04: TAL03 (P.10D);Td
34	10B	1819.2018.100426	Nguyễn Quốc Thiện	Nam	10c04: TAL03 (P.10D);H
35	10B	1819.2018.100233	Nguyễn Huỳnh Vĩnh Thịnh	Nam	10c03: TAL02 (P.10C);Td
36	10B	1819.2018.100561	Đoàn Anh Thư	Nữ	10c04: TAL03 (P.10D);S
37	10B	1819.2018.100652	Nguyễn Thủy Tiên	Nữ	10c05: TAL04 (P.10E);P
38	10B	1819.2018.100651	Nhữ Đào Nhật Tiên	Nữ	10c05: TAL04 (P.10E);Td
39	10B	1819.2018.100279	Lê Minh Trí	Nam	10c03: TAL02 (P.10C);Td
40	10B	1819.2018.100201	Lê Thành Trung	Nam	10c08: THS (P.10H);P
41	10B	1819.2018.100562	Huỳnh Anh Tuấn	Nam	10c05: TAL04 (P.10E);Td
42	10B	1819.2018.100390	Lê Tấn Tuấn	Nam	10c08: THS (P.10H);Td
43	10B	1819.2018.100482	Phan Thanh Vũ	Nam	10c09: TLH01 (P.10J);Td
44	10B	1819.2018.100626	Hà Thanh Vy	Nữ	10c06: TALH01 (P.10F);

STTL	Lớp	Mahs1819	Họ tên	Phái	Lớp buổi 2: Môn, phòng
1	10C	1819.2018.100065	Lê Đoàn Vân Anh	Nữ	10c11: TVA01 (P.10L);TIN
2	10C	1819.2018.100483	Nguyễn Minh Hùng Anh	Nam	10c13: TVA03 (P.10M);P
3	10C	1819.2018.100064	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	10c11: TVA01 (P.10L);P
4	10C	1819.2018.100112	Nguyễn Trần Xuân Bách	Nam	10c02: TAL01 (P.10B);Td
5	10C	1819.2018.100160	Trần Gia Bảo	Nam	10c11: TVA01 (P.10L);Td
6	10C	1819.2018.100140	Nguyễn Lê Minh Đăng	Nam	10c11: TVA01 (P.10L);Td
7	10C	1819.2018.100676	Ha Mi Zah	Nữ	10c01: TAH (P.10A);P
8	10C	1819.2018.100040	Nguyễn Hoàng Hải	Nam	10c11: TVA01 (P.10L);TIN
9	10C	1819.2018.100106	Nguyễn Bảo Gia Hân	Nữ	10c08: THS (P.10H);P
10	10C	1819.2018.100037	Tô Ngọc Hân	Nữ	10c02: TAL01 (P.10B);P
11	10C	1819.2018.100176	Nguyễn Trung Hậu	Nam	10c03: TAL02 (P.10C);TIN
12	10C	1819.2018.100038	Đỗ Huy Hoàng	Nam	10c06: TALH01 (P.10F);
13	10C	1819.2018.100062	Khúc Mạnh Hoàng	Nam	10c02: TAL01 (P.10B);TIN
14	10C	1819.2018.100123	Nguyễn Minh Hoàng	Nam	10c01: TAH (P.10A);Td
15	10C	1819.2018.100150	Nguyễn Phạm Gia Huy	Nam	10c06: TALH01 (P.10F);
16	10C	1819.2018.100063	Dương Quốc Anh Khôi	Nam	10c09: TLH01 (P.10J);S
17	10C	1819.2018.100052	Văn Gia Kiệt	Nam	10c09: TLH01 (P.10J);Td
18	10C	1819.2018.100083	Võ Tuấn Kiệt	Nam	10c11: TVA01 (P.10L);S
19	10C	1819.2018.100141	Nguyễn Thủy Linh	Nữ	10c11: TVA01 (P.10L);TIN
20	10C	1819.2018.100113	Phạm Mai Huyền Linh	Nữ	10c11: TVA01 (P.10L);L
21	10C	1819.2018.100039	Trần Phạm Kim Long	Nam	10c11: TVA01 (P.10L);L
22	10C	1819.2018.100178	Võ Minh Mẫn	Nam	10c11: TVA01 (P.10L);L
23	10C	1819.2018.100001	Nguyễn Tuấn Minh	Nam	10c08: THS (P.10H);Td
24	10C	1819.2018.100179	Lê Nguyễn Thanh Ngân	Nữ	10c11: TVA01 (P.10L);P
25	10C	1819.2018.100152	Ngô Thiên Nhi	Nữ	10c11: TVA01 (P.10L);L
26	10C	1819.2018.100151	Nguyễn Xuân Nhi	Nữ	10c06: TALH01 (P.10F);
27	10C	1819.2018.100006	Nguyễn Nhật Phi	Nam	10c01: TAH (P.10A);L
28	10C	1819.2018.100020	Nguyễn Minh Phong	Nam	10c11: TVA01 (P.10L);P
29	10C	1819.2018.100055	Tạ Phi Phụng	Nữ	10c11: TVA01 (P.10L);L
30	10C	1819.2018.100048	Ngô Nguyễn Hoàng Phú	Nam	10c02: TAL01 (P.10B);Td
31	10C	1819.2018.100096	Nguyễn Minh Quân	Nam	10c09: TLH01 (P.10J);TIN
32	10C	1819.2018.100049	Trương Bảo Quyền	Nữ	10c11: TVA01 (P.10L);L
33	10C	1819.2018.100161	Nguyễn Nam Sơn	Nam	10c11: TVA01 (P.10L);H
34	10C	1819.2018.100135	Phạm Tấn Tài	Nam	10c01: TAH (P.10A);L
35	10C	1819.2018.100030	Lý Quỳnh Tâm	Nữ	10c02: TAL01 (P.10B);Td
36	10C	1819.2018.100025	Lê Minh Thiện	Nam	10c02: TAL01 (P.10B);P
37	10C	1819.2018.100111	Võ Thị Minh Thơ	Nữ	10c01: TAH (P.10A);P
38	10C	1819.2018.100075	Phạm Ngọc Đan Thùy	Nữ	10c11: TVA01 (P.10L);TIN
39	10C	1819.2018.100088	Hoàng Anh Thư	Nữ	10c08: THS (P.10H);Td
40	10C	1819.2018.100002	Nguyễn Kim Anh Thư	Nữ	10c06: TALH01 (P.10F);
41	10C	1819.2018.100005	Nguyễn Minh Thư	Nữ	10c06: TALH01 (P.10F);
42	10C	1819.2018.100019	Nguyễn Hà Khánh Thy	Nữ	10c06: TALH01 (P.10F);
43	10C	1819.2018.100095	Lâm Công Tiến	Nam	10c02: TAL01 (P.10B);TIN
44	10C	1819.2018.100084	Nguyễn Hoa Trang	Nữ	10c11: TVA01 (P.10L);H
45	10C	1819.2018.100125	Võ Thị Thùy Trang	Nữ	10c06: TALH01 (P.10F);
46	10C	1819.2018.100126	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	Nữ	10c08: THS (P.10H);S
47	10C	1819.2018.100011	Trần Nhật Trung	Nam	10c02: TAL01 (P.10B);TIN
48	10C	1819.2018.100124	Trương Bùi Anh Tuấn	Nam	10c02: TAL01 (P.10B);Td
49	10C	1819.2018.100105	Hà Phạm Vỹ Song Tường	Nữ	10c02: TAL01 (P.10B);P
50	10C	1819.2018.100177	Trần Thị Thanh Vy	Nữ	10c08: THS (P.10H);TIN

STTL	Lớp	Mahs1819	Họ tên	Phái	Lớp buổi 2: Môn, phòng
1	10D	1819.2018.100280	Đỗ Ngọc Mỹ Ái	Nữ	10c09: TLH01 (P.10J);TIN
2	10D	1819.2018.100351	Đặng Ngọc Bảo	Nam	10c04: TAL03 (P.10D);Td
3	10D	1819.2018.100409	La Quốc Bảo	Nam	10c06: TALH01 (P.10F);
4	10D	1819.2018.100410	Trần Xuân Bình	Nam	10c08: THS (P.10H);Td
5	10D	1819.2018.100585	Chung Nguyên Chương	Nam	10c05: TAL04 (P.10E);TIN
6	10D	1819.2018.100268	Hà Thị Ngọc Duyên	Nữ	10c03: TAL02 (P.10C);Td
7	10D	1819.2018.100235	Phạm Văn Hải Dương	Nam	10c03: TAL02 (P.10C);Td
8	10D	1819.2018.100392	Nguyễn Võ Khánh Đăng	Nam	10c04: TAL03 (P.10D);TIN
9	10D	1819.2018.100655	Trần Ngọc Khánh Đoan	Nữ	10c06: TALH01 (P.10F);
10	10D	1819.2018.100452	Võ Ngọc Hồng Hân	Nữ	10c06: TALH01 (P.10F);
11	10D	1819.2018.100220	Hồ Trung Hiếu	Nam	10c09: TLH01 (P.10J);TIN
12	10D	1819.2018.100538	Bùi Bá Hiệp	Nam	10c08: THS (P.10H);Td
13	10D	1819.2018.100313	Đặng Thanh Hoàng	Nam	10c01: TAH (P.10A);Td
14	10D	1819.2018.100294	Nguyễn Quang Huy	Nam	10c03: TAL02 (P.10C);TIN
15	10D	1819.2018.100327	Lê Thị Giáng Hương	Nữ	10c09: TLH01 (P.10J);S
16	10D	1819.2018.100508	Nguyễn Lê Khang	Nam	10c04: TAL03 (P.10D);TIN
17	10D	1819.2018.100328	Trần Phước Khải	Nam	10c10: TLH02 (P.10K);Td
18	10D	1819.2018.100654	Phạm Đăng Khoa	Nam	10c05: TAL04 (P.10E);Td
19	10D	1819.2018.100203	Bùi Tấn Lộc	Nam	10c09: TLH01 (P.10J);S
20	10D	1819.2018.100653	Nguyễn Phan Hoàng Luân	Nam	10c05: TAL04 (P.10E);Td
21	10D	1819.2018.100329	Nguyễn Cao Thế Mỹ	Nữ	10c10: TLH02 (P.10K);P
22	10D	1819.2018.100326	Bùi Nguyễn Kim Ngân	Nữ	10c08: THS (P.10H);P
23	10D	1819.2018.100314	Chu Dương Hằng Ngân	Nữ	10c12: TVA02 (P.10M);TIN
24	10D	1819.2018.100451	Lê Minh Ngọc	Nữ	10c04: TAL03 (P.10D);TIN
25	10D	1819.2018.100484	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	Nữ	10c13: TVA03 (P.10M);Td
26	10D	1819.2018.100603	Nguyễn Tấn Phi	Nam	10c05: TAL04 (P.10E);Td
27	10D	1819.2018.100428	Trương Hoàng Phúc	Nam	10c10: TLH02 (P.10K);P
28	10D	1819.2018.100219	Nguyễn Đăng Quang	Nam	10c03: TAL02 (P.10C);TIN
29	10D	1819.2018.100236	Trương Diễm Quyên	Nữ	10c03: TAL02 (P.10C);TIN
30	10D	1819.2018.100629	Lưu Hà Sang	Nam	10c06: TALH01 (P.10F);
31	10D	1819.2018.100510	Nguyễn Tuấn Tài	Nam	10c09: TLH01 (P.10J);Td
32	10D	1819.2018.100250	Huỳnh Thị Mỹ Tâm	Nữ	10c06: TALH01 (P.10F);
33	10D	1819.2018.100628	Lê Ngọc Phương Thanh	Nữ	10c05: TAL04 (P.10E);Td
34	10D	1819.2018.100507	Bùi Ngọc Thái	Nam	10c04: TAL03 (P.10D);Td
35	10D	1819.2018.100627	Cao Nguyễn Thị Thùy	Nữ	10c01: TAH (P.10A);Td
36	10D	1819.2018.100411	Huỳnh Lê Anh Thư	Nữ	10c09: TLH01 (P.10J);Td
37	10D	1819.2018.100509	Nguyễn Huỳnh Anh Thư	Nữ	10c06: TALH01 (P.10F);
38	10D	1819.2018.100202	Nguyễn Tường Thy	Nữ	10c06: TALH01 (P.10F);
39	10D	1819.2018.100427	Nguyễn Thu Hồng Tiên	Nữ	10c01: TAH (P.10A);Td
40	10D	1819.2018.100565	Võ Thái Tiên	Nữ	10c05: TAL04 (P.10E);Td
41	10D	1819.2018.100453	Nguyễn Thị Thùy Trang	Nữ	10c09: TLH01 (P.10J);TIN
42	10D	1819.2018.100584	Phạm Thị Ngọc Trâm	Nữ	10c05: TAL04 (P.10E);TIN
43	10D	1819.2018.100251	Lê Quốc Uy	Nam	10c09: TLH01 (P.10J);TIN
44	10D	1819.2018.100539	Lê Vương Uyên	Nữ	10c10: TLH02 (P.10K);Td
45	10D	1819.2018.100363	Trần Thảo Vi	Nữ	10c06: TALH01 (P.10F);
46	10D	1819.2018.100393	Phan Anh Tường Vy	Nữ	10c06: TALH01 (P.10F);
47	10D	1819.2018.100506	Phan Minh Vy	Nữ	10c04: TAL03 (P.10D);Td
48	10D	1819.2018.100586	Phan Võ Ngọc Vy	Nữ	10c09: TLH01 (P.10J);Td

STTL	Lớp	Mahs1819	Họ tên	Phái	Lớp buổi 2: Môn, phòng
1	10E	1819.2018.100269	Trần Thị Thúy An	Nữ	10c06: TALH01 (P.10F);
2	10E	1819.2018.100542	Đỗ Ngọc Anh	Nữ	10c14: TVA04 (P.10P);P
3	10E	1819.2018.100253	Trần Thị Hồng Anh	Nữ	10c09: TLH01 (P.10J);S
4	10E	1819.2018.100567	Lâm Quốc Bình	Nam	10c06: TALH01 (P.10F);
5	10E	1819.2018.100455	Lê Đoàn Mỹ Dung	Nữ	10c10: TLH02 (P.10K);Td
6	10E	1819.2018.100631	Nguyễn Thị Thùy Dung	Nữ	10c05: TAL04 (P.10E);Td
7	10E	1819.2018.100429	Nguyễn Đức Duy	Nam	10c10: TLH02 (P.10K);Td
8	10E	1819.2018.100430	Tổng Đức Duy	Nam	10c09: TLH01 (P.10J);Td
9	10E	1819.2018.100366	Nguyễn Anh Hào	Nam	10c06: TALH01 (P.10F);
10	10E	1819.2018.100606	Trần Anh Hào	Nam	10c10: TLH02 (P.10K);Td
11	10E	1819.2018.100656	Lê Thúy Hiền	Nữ	10c05: TAL04 (P.10E);S
12	10E	1819.2018.100587	Nguyễn Thiên Huy	Nam	10c05: TAL04 (P.10E);Td
13	10E	1819.2018.100296	Đoàn Lê Kiều Khanh	Nữ	10c12: TVA02 (P.10M);L
14	10E	1819.2018.100330	Nguyễn Tùng Khánh	Nam	10c03: TAL02 (P.10C);Td
15	10E	1819.2018.100588	Trần Phạm Đăng Khôi	Nam	10c09: TLH01 (P.10J);TIN
16	10E	1819.2018.100412	Nguyễn Ja Kỳ	Nữ	10c08: THS (P.10H);Td
17	10E	1819.2018.100204	Tạ Gia Linh	Nữ	10c05: TAL04 (P.10E);TIN
18	10E	1819.2018.100485	Trần Vũ Phương Linh	Nữ	10c04: TAL03 (P.10D);TIN
19	10E	1819.2018.100604	Nguyễn Huỳnh Ngọc Loan	Nữ	10c01: TAH (P.10A);TIN
20	10E	1819.2018.100252	Nguyễn Lê Phúc Lợi	Nam	10c06: TALH01 (P.10F);
21	10E	1819.2018.100281	Lý Gia Mỹ	Nữ	10c12: TVA02 (P.10M);P
22	10E	1819.2018.100658	Nguyễn Đình Bảo Ngọc	Nữ	10c14: TVA04 (P.10P);L
23	10E	1819.2018.100364	Lê Trần Yến Nhi	Nữ	10c01: TAH (P.10A);Td
24	10E	1819.2018.100540	Huỳnh Minh Nhựt	Nam	10c09: TLH01 (P.10J);TIN
25	10E	1819.2018.100657	Phạm Lê Nippon	Nam	10c10: TLH02 (P.10K);Td
26	10E	1819.2018.100352	Võ Ngọc Hoài Phương	Nữ	10c06: TALH01 (P.10F);
27	10E	1819.2018.100365	Ngô Đoàn Quý	Nam	10c06: TALH01 (P.10F);
28	10E	1819.2018.100237	Trịnh Quốc Thái	Nam	10c03: TAL02 (P.10C);P
29	10E	1819.2018.100353	Hồ Đoàn Thanh Thảo	Nữ	10c12: TVA02 (P.10M);Td
30	10E	1819.2018.100608	Nguyễn Phạm Thanh Thảo	Nữ	10c14: TVA04 (P.10P);H
31	10E	1819.2018.100630	Phạm Quốc Thịnh	Nam	10c05: TAL04 (P.10E);Td
32	10E	1819.2018.100295	Nguyễn Minh Thông	Nam	10c12: TVA02 (P.10M);L
33	10E	1819.2018.100205	Lê Hồng Anh Thư	Nữ	10c08: THS (P.10H);Td
34	10E	1819.2018.100354	Nguyễn Anh Thư	Nữ	10c12: TVA02 (P.10M);L
35	10E	1819.2018.100541	Tạ Anh Thư	Nữ	10c10: TLH02 (P.10K);P
36	10E	1819.2018.100566	Nguyễn Hữu Tiến	Nam	10c05: TAL04 (P.10E);Td
37	10E	1819.2018.100512	Nguyễn Minh Toàn	Nam	10c09: TLH01 (P.10J);Td
38	10E	1819.2018.100605	Nguyễn Thị Thùy Trang	Nữ	10c06: TALH01 (P.10F);
39	10E	1819.2018.100511	Huỳnh Thị Quế Trinh	Nữ	10c04: TAL03 (P.10D);S
40	10E	1819.2018.100431	Hà Tiến Trung	Nam	10c10: TLH02 (P.10K);TIN
41	10E	1819.2018.100238	Ngô Hoàng Thanh Trúc	Nữ	10c03: TAL02 (P.10C);P
42	10E	1819.2018.100609	Huỳnh Kim Tuyền	Nữ	10c14: TVA04 (P.10P);L
43	10E	1819.2018.100454	Lê Anh Mỹ Uyên	Nữ	10c04: TAL03 (P.10D);P
44	10E	1819.2018.100607	Phạm Hồng Phương Uyên	Nữ	10c14: TVA04 (P.10P);L
45	10E	1819.2018.100239	Trần Quang Vinh	Nam	10c10: TLH02 (P.10K);Td

STTL	Lớp	Mahs1819	Họ tên	Phái	Lớp buổi 2: Môn, phòng
1	10F	1819.2018.100396	Dương Kiến An	Nam	10c13: TVA03 (P.10M);Td
2	10F	1819.2018.100634	Phạm Nhật Song Anh	Nữ	10c14: TVA04 (P.10P);P
3	10F	1819.2018.100369	Nguyễn Tiến Bách	Nam	10c13: TVA03 (P.10M);TIN
4	10F	1819.2018.100456	Ngô Phạm Quốc Bảo	Nam	10c10: TLH02 (P.10K);Td
5	10F	1819.2018.100254	Nguyễn Ngọc Hải Bình	Nữ	10c09: TLH01 (P.10J);S
6	10F	1819.2018.100489	Huỳnh Dương Mai Châm	Nữ	10c13: TVA03 (P.10M);P
7	10F	1819.2018.100368	Lê Hoàng Công	Nam	10c10: TLH02 (P.10K);Td
8	10F	1819.2018.100298	Nguyễn Tiến Cường	Nam	10c12: TVA02 (P.10M);Td
9	10F	1819.2018.100610	Võ Hoài Bảo Duy	Nam	10c05: TAL04 (P.10E);Td
10	10F	1819.2018.100486	Võ Minh Đăng	Nam	10c04: TAL03 (P.10D);P
11	10F	1819.2018.100332	Nguyễn Đình Khánh Đoàn	Nữ	10c03: TAL02 (P.10C);S
12	10F	1819.2018.100632	Vũ Xuân Đức	Nam	10c10: TLH02 (P.10K);Td
13	10F	1819.2018.100315	Võ Phạm Hồng Gấm	Nữ	10c12: TVA02 (P.10M);S
14	10F	1819.2018.100223	Trần Lê Quang Huy	Nam	10c12: TVA02 (P.10M);Td
15	10F	1819.2018.100569	Nguyễn Thúy Huyền	Nữ	10c14: TVA04 (P.10P);TIN
16	10F	1819.2018.100544	Nguyễn Tấn Hưng	Nam	10c14: TVA04 (P.10P);Td
17	10F	1819.2018.100633	Lý Cẩm Hương	Nữ	10c14: TVA04 (P.10P);Td
18	10F	1819.2018.100612	Phạm Xuân Hương	Nữ	10c14: TVA04 (P.10P);S
19	10F	1819.2018.100282	Nguyễn Ngọc Minh Khanh	Nữ	10c03: TAL02 (P.10C);Td
20	10F	1819.2018.100331	Phạm Duy Khánh	Nam	10c03: TAL02 (P.10C);Td
21	10F	1819.2018.100487	Nguyễn Hoàng Thiên Kim	Nữ	10c04: TAL03 (P.10D);P
22	10F	1819.2018.100221	Nguyễn Ngọc Lan	Nữ	10c08: THS (P.10H);Td
23	10F	1819.2018.100413	Phạm Huỳnh Lâm	Nam	10c13: TVA03 (P.10M);Td
24	10F	1819.2018.100283	Trần Quốc Lâm	Nam	10c10: TLH02 (P.10K);Td
25	10F	1819.2018.100545	Đinh Ngọc Liên	Nữ	10c14: TVA04 (P.10P);L
26	10F	1819.2018.100222	Lê Khánh Linh	Nữ	10c08: THS (P.10H);P
27	10F	1819.2018.100568	Đinh Thị Kim Mai	Nữ	10c09: TLH01 (P.10J);TIN
28	10F	1819.2018.100590	Đỗ Trần Hải Nam	Nam	10c14: TVA04 (P.10P);Td
29	10F	1819.2018.100635	Dương Ngọc Kim Ngân	Nữ	10c14: TVA04 (P.10P);TIN
30	10F	1819.2018.100397	Huỳnh Kim Ngân	Nữ	10c13: TVA03 (P.10M);P
31	10F	1819.2018.100395	Tô Thị Hồng Nhung	Nữ	10c06: TALH01 (P.10F);
32	10F	1819.2018.100270	Nguyễn Duy Phong	Nam	10c08: THS (P.10H);P
33	10F	1819.2018.100591	Trương Ngọc Thanh Phong	Nam	10c14: TVA04 (P.10P);Td
34	10F	1819.2018.100394	Hoàng Thị Thanh Phương	Nữ	10c06: TALH01 (P.10F);
35	10F	1819.2018.100488	Nguyễn Dương Ngân Quỳnh	Nữ	10c10: TLH02 (P.10K);Td
36	10F	1819.2018.100432	Nguyễn Phước Sang	Nam	10c10: TLH02 (P.10K);Td
37	10F	1819.2018.100490	Chiêm Tấn Tài	Nam	10c13: TVA03 (P.10M);TIN
38	10F	1819.2018.100611	Nguyễn Khánh Toàn	Nam	10c10: TLH02 (P.10K);Td
39	10F	1819.2018.100180	Võ Tấn Toàn	Nam	10c01: TAH (P.10A);Td
40	10F	1819.2018.100434	Nguyễn Ngọc Tú Trinh	Nữ	10c10: TLH02 (P.10K);Td
41	10F	1819.2018.100659	Đoàn Thanh Tuấn	Nam	10c14: TVA04 (P.10P);TIN
42	10F	1819.2018.100589	Nguyễn Quốc Tuấn	Nam	10c14: TVA04 (P.10P);Td
43	10F	1819.2018.100543	Trần Thị Bích Tuyền	Nữ	10c10: TLH02 (P.10K);TIN
44	10F	1819.2018.100297	Nguyễn Thị Hà Vĩ	Nữ	10c10: TLH02 (P.10K);P
45	10F	1819.2018.100433	Lý Thị Thanh Vy	Nữ	10c10: TLH02 (P.10K);Td
46	10F	1819.2018.100367	Nguyễn Nhật Thảo Vy	Nữ	10c08: THS (P.10H);Td
47	10F	1819.2018.100240	Phạm Nguyễn Thúy Vy	Nữ	10c10: TLH02 (P.10K);P
48	10F	1819.2018.100513	Phan Thị Kim Yến	Nữ	10c13: TVA03 (P.10M);Td

STTL	Lớp	Mahs1819	Họ tên	Phái	Lớp buổi 2: Môn, phòng
1	10G	1819.2018.100638	Phan Quốc Anh	Nam	10c14: TVA04 (P.10P);Td
2	10G	1819.2018.100492	Phạm Hoàng Ân	Nam	10c13: TVA03 (P.10M);P
3	10G	1819.2018.100206	Nguyễn Lương Gia Bảo	Nữ	10c01: TAH (P.10A);TIN
4	10G	1819.2018.100636	Nguyễn Lê Thành Bảo	Nam	10c01: TAH (P.10A);Td
5	10G	1819.2018.100662	Nguyễn Thị Bích	Nữ	10c14: TVA04 (P.10P);S
6	10G	1819.2018.100515	Đặng Thị Kim Chi	Nữ	10c04: TAL03 (P.10D);Td
7	10G	1819.2018.100592	Trần Thị Kim Chi	Nữ	10c08: THS (P.10H);Td
8	10G	1819.2018.100459	Đỗ Phương Khả Doanh	Nữ	10c13: TVA03 (P.10M);P
9	10G	1819.2018.100660	Lê Thùy Dung	Nữ	10c06: TALH01 (P.10F);
10	10G	1819.2018.100613	Huỳnh Ái Giang	Nữ	10c08: THS (P.10H);Td
11	10G	1819.2018.100435	Nguyễn Huỳnh Chấn Hào	Nam	10c13: TVA03 (P.10M);Td
12	10G	1819.2018.100257	Phạm Ngọc Gia Hân	Nữ	10c12: TVA02 (P.10M);P
13	10G	1819.2018.100637	Đặng Ngọc Hiếu	Nam	10c01: TAH (P.10A);Td
14	10G	1819.2018.100319	Nguyễn Quang Huy	Nam	10c12: TVA02 (P.10M);H
15	10G	1819.2018.100491	Lâm Quang Hùng	Nam	10c06: TALH01 (P.10F);
16	10G	1819.2018.100181	Nguyễn Minh Khang	Nam	10c11: TVA01 (P.10L);P
17	10G	1819.2018.100517	Phạm Gia Khánh	Nam	10c13: TVA03 (P.10M);Td
18	10G	1819.2018.100514	Nguyễn Hoàng Đăng Khoa	Nam	10c01: TAH (P.10A);P
19	10G	1819.2018.100333	Phạm Đăng Khoa	Nam	10c01: TAH (P.10A);Td
20	10G	1819.2018.100318	Trần Đình Khoa	Nam	10c09: TLH01 (P.10J);S
21	10G	1819.2018.100415	Vũ Tấn Kiệt	Nam	10c13: TVA03 (P.10M);Td
22	10G	1819.2018.100457	Huỳnh Lầu Lina	Nữ	10c10: TLH02 (P.10K);P
23	10G	1819.2018.100284	Nguyễn Ngọc Trúc Linh	Nữ	10c03: TAL02 (P.10C);Td
24	10G	1819.2018.100458	Nguyễn Xuân Thùy Linh	Nữ	10c10: TLH02 (P.10K);Td
25	10G	1819.2018.100436	Nguyễn Xuân Long	Nam	10c13: TVA03 (P.10M);Td
26	10G	1819.2018.100355	Nguyễn Phan Xuân Mai	Nữ	10c12: TVA02 (P.10M);P
27	10G	1819.2018.100317	Phạm Huyền Mai	Nữ	10c03: TAL02 (P.10C);TIN
28	10G	1819.2018.100571	Trần Phạm Hà My	Nữ	10c08: THS (P.10H);Td
29	10G	1819.2018.100519	Trần Hoàng Nam	Nam	10c14: TVA04 (P.10P);S
30	10G	1819.2018.100570	Trần Văn Nam	Nam	10c05: TAL04 (P.10E);Td
31	10G	1819.2018.100417	Quách Ngọc Kim Ngân	Nữ	10c13: TVA03 (P.10M);S
32	10G	1819.2018.100255	Nguyễn Ngọc Bảo Nhi	Nữ	10c06: TALH01 (P.10F);
33	10G	1819.2018.100546	Nguyễn Thị Xuân Nhi	Nữ	10c14: TVA04 (P.10P);H
34	10G	1819.2018.100416	Đặng Phan Quỳnh Như	Nữ	10c13: TVA03 (P.10M);S
35	10G	1819.2018.100398	Trần Nhật Phi	Nam	10c01: TAH (P.10A);TIN
36	10G	1819.2018.100256	Huỳnh Công Thành	Nam	10c08: THS (P.10H);Td
37	10G	1819.2018.100299	Ngô Hoàng Thái	Nam	10c12: TVA02 (P.10M);S
38	10G	1819.2018.100334	Võ Phạm Ngọc Thẩm	Nữ	10c08: THS (P.10H);Td
39	10G	1819.2018.100518	Nguyễn Thanh Thúy	Nữ	10c13: TVA03 (P.10M);S
40	10G	1819.2018.100661	Nguyễn Thị Anh Thư	Nữ	10c08: THS (P.10H);Td
41	10G	1819.2018.100399	Nguyễn Thị Thùy Trang	Nữ	10c04: TAL03 (P.10D);P
42	10G	1819.2018.100271	Trần Nguyễn Tuyết Trâm	Nữ	10c10: TLH02 (P.10K);P
43	10G	1819.2018.100516	Trần Phương Trâm	Nữ	10c04: TAL03 (P.10D);H
44	10G	1819.2018.100316	Nguyễn Xuân Trúc	Nữ	10c01: TAH (P.10A);TIN
45	10G	1819.2018.100639	Đặng Ngọc Tuệ	Nam	10c14: TVA04 (P.10P);H
46	10G	1819.2018.100414	Vương Yến Vân	Nữ	10c08: THS (P.10H);Td
47	10G	1819.2018.100370	Phạm Huy Vũ	Nam	10c01: TAH (P.10A);TIN
48	10G	1819.2018.100572	Trần Thanh Vy	Nữ	10c14: TVA04 (P.10P);Td

STTL	Lớp	Mahs1819	Họ tên	Phái	Lớp buổi 2: Môn, phòng
1	10H	1819.2018.100573	Mai Ngọc Minh Châu	Nữ	10c05: TAL04 (P.10E);TIN
2	10H	1819.2018.100548	Trần Hoàng Danh	Nam	10c14: TVA04 (P.10P);TIN
3	10H	1819.2018.100593	Huỳnh Thị Ngọc Diệp	Nữ	10c05: TAL04 (P.10E);S
4	10H	1819.2018.100574	Huỳnh Quốc Minh Duy	Nam	10c14: TVA04 (P.10P);Td
5	10H	1819.2018.100520	Tạ Khắc Duy	Nam	10c04: TAL03 (P.10D);Td
6	10H	1819.2018.100242	Nguyễn Dương	Nam	10c12: TVA02 (P.10M);Td
7	10H	1819.2018.100677	Trần Ngọc Thuỳ Dương	Nữ	10c14: TVA04 (P.10P);TIN
8	10H	1819.2018.100521	Nguyễn Huy Đông	Nam	10c10: TLH02 (P.10K);Td
9	10H	1819.2018.100547	Tăng Ngọc Phương Đông	Nữ	10c06: TALH01 (P.10F);
10	10H	1819.2018.100462	Nguyễn Hà Minh Đức	Nam	10c13: TVA03 (P.10M);Td
11	10H	1819.2018.100666	Dương Đặng Nhật Hào	Nam	10c10: TLH02 (P.10K);Td
12	10H	1819.2018.100300	Trần Ngọc Hào	Nam	10c09: TLH01 (P.10J);TIN
13	10H	1819.2018.100182	Hồ Hữu Hậu	Nam	10c01: TAH (P.10A);Td
14	10H	1819.2018.100461	Bùi Thị Diệu Hiền	Nữ	10c13: TVA03 (P.10M);Td
15	10H	1819.2018.100285	Lê Dương Thanh Hiền	Nữ	10c12: TVA02 (P.10M);P
16	10H	1819.2018.100663	Trần Minh Hoàng	Nam	10c06: TALH01 (P.10F);
17	10H	1819.2018.100615	Dương Khánh Linh	Nữ	10c08: THS (P.10H);Td
18	10H	1819.2018.100207	Lại Hồ Nam	Nam	10c03: TAL02 (P.10C);Td
19	10H	1819.2018.100226	Nguyễn Thị Kim Ngân	Nữ	10c12: TVA02 (P.10M);H
20	10H	1819.2018.100616	Văn Thanh Nghi	Nữ	10c08: THS (P.10H);Td
21	10H	1819.2018.100356	Nguyễn Đình Nguyên	Nam	10c04: TAL03 (P.10D);Td
22	10H	1819.2018.100335	Phan Nguyễn Khôi Nguyên	Nam	10c01: TAH (P.10A);Td
23	10H	1819.2018.100337	Trần Ngọc Nhi	Nữ	10c12: TVA02 (P.10M);H
24	10H	1819.2018.100522	Mạch Thị Tuyết Nhung	Nữ	10c13: TVA03 (P.10M);H
25	10H	1819.2018.100372	Nguyễn Ngọc Tâm Như	Nữ	10c13: TVA03 (P.10M);Td
26	10H	1819.2018.100493	Trần Quỳnh Như	Nữ	10c13: TVA03 (P.10M);Td
27	10H	1819.2018.100664	Trần Minh Nhựt	Nam	10c06: TALH01 (P.10F);
28	10H	1819.2018.100438	Dương Tấn Phát	Nam	10c04: TAL03 (P.10D);TIN
29	10H	1819.2018.100371	Huỳnh Tấn Phúc	Nam	10c04: TAL03 (P.10D);Td
30	10H	1819.2018.100373	Nguyễn Thu Phương	Nữ	10c13: TVA03 (P.10M);TIN
31	10H	1819.2018.100225	Quách Trương Minh Thành	Nam	10c12: TVA02 (P.10M);TIN
32	10H	1819.2018.100463	Bùi Hồng Anh Thư	Nữ	10c13: TVA03 (P.10M);TIN
33	10H	1819.2018.100241	Nguyễn Hoàng Minh Thương	Nữ	10c12: TVA02 (P.10M);Td
34	10H	1819.2018.100273	Mai Mỹ Tiên	Nữ	10c12: TVA02 (P.10M);Td
35	10H	1819.2018.100357	Phạm Đức Tín	Nam	10c10: TLH02 (P.10K);Td
36	10H	1819.2018.100272	Châu Thị Thùy Trang	Nữ	10c06: TALH01 (P.10F);
37	10H	1819.2018.100665	Mai Nhật Trường	Nam	10c08: THS (P.10H);TIN
38	10H	1819.2018.100460	Võ Nhựt Trường	Nam	10c10: TLH02 (P.10K);Td
39	10H	1819.2018.100224	Nguyễn Hoàng Tuấn	Nam	10c01: TAH (P.10A);Td
40	10H	1819.2018.100418	Trần Thanh Tú	Nam	10c04: TAL03 (P.10D);Td
41	10H	1819.2018.100437	Lê Phạm Zi Uyên	Nữ	10c01: TAH (P.10A);TIN
42	10H	1819.2018.100336	Vũ Trần Hoàng Uyên	Nữ	10c03: TAL02 (P.10C);Td
43	10H	1819.2018.100400	Bùi Thúc Hoàng Việt	Nam	10c13: TVA03 (P.10M);TIN
44	10H	1819.2018.100614	Nguyễn Trường Vũ	Nam	10c01: TAH (P.10A);TIN
45	10H	1819.2018.100494	Dương Nguyễn Triệu Vy	Nữ	10c13: TVA03 (P.10M);Td
46	10H	1819.2018.100549	Phạm Hoàng Như Ý	Nữ	10c14: TVA04 (P.10P);TIN

STTL	Lớp	Mahs1819	Họ tên	Phái	Lớp buổi 2: Môn, phòng
1	10J	1819.2018.100551	Nguyễn Mậu Hoài An	Nam	10c14: TVA04 (P.10P);Td
2	10J	1819.2018.100419	Bùi Ngọc Ánh	Nữ	10c13: TVA03 (P.10M);S
3	10J	1819.2018.100339	Trần Thị Mộng Cầm	Nữ	10c10: TLH02 (P.10K);P
4	10J	1819.2018.100243	Trương Ngọc Thiện Chí	Nam	10c13: TVA03 (P.10M);P
5	10J	1819.2018.100377	Lê Quốc Cường	Nam	10c13: TVA03 (P.10M);H
6	10J	1819.2018.100524	Nguyễn Trọng Duy	Nam	10c06: TALH01 (P.10F);
7	10J	1819.2018.100184	Lê Đức Thái Dương	Nam	10c11: TVA01 (P.10L);TIN
8	10J	1819.2018.100576	Hoàng Thị Quỳnh Giang	Nữ	10c14: TVA04 (P.10P);TIN
9	10J	1819.2018.100259	Võ Sơn Hào	Nam	10c03: TAL02 (P.10C);Td
10	10J	1819.2018.100619	Nguyễn Ngọc Hân	Nữ	10c14: TVA04 (P.10P);S
11	10J	1819.2018.100374	Kiều Bá Hoan	Nam	10c04: TAL03 (P.10D);H
12	10J	1819.2018.100208	Long Kim Hoàng	Nữ	10c08: THS (P.10H);TIN
13	10J	1819.2018.100401	Dương Quang Huy	Nam	10c13: TVA03 (P.10M);TIN
14	10J	1819.2018.100640	Đào Đức Huy	Nam	10c05: TAL04 (P.10E);H
15	10J	1819.2018.100338	Tạ Quốc Huy	Nam	10c08: THS (P.10H);P
16	10J	1819.2018.100439	Trần Thanh Huy	Nam	10c05: TAL04 (P.10E);H
17	10J	1819.2018.100595	Đỗ Hoàng Anh Khoa	Nam	10c08: THS (P.10H);TIN
18	10J	1819.2018.100575	Trần Trọng Kiên	Nam	10c06: TALH01 (P.10F);
19	10J	1819.2018.100286	Nguyễn Minh Long	Nam	10c12: TVA02 (P.10M);P
20	10J	1819.2018.100523	Huỳnh Ngọc Mai	Nữ	10c06: TALH01 (P.10F);
21	10J	1819.2018.100594	Phạm Thị Xuân Mai	Nữ	10c08: THS (P.10H);Td
22	10J	1819.2018.100466	Nguyễn Thị Thúy Nga	Nữ	10c05: TAL04 (P.10E);H
23	10J	1819.2018.100261	Trần Thị Hồng Nhung	Nữ	10c12: TVA02 (P.10M);L
24	10J	1819.2018.100525	Hồ Tâm Như	Nữ	10c08: THS (P.10H);Td
25	10J	1819.2018.100301	Huỳnh Lê Hoàng Như	Nữ	10c03: TAL02 (P.10C);P
26	10J	1819.2018.100667	Lê Hồng Phát	Nam	10c08: THS (P.10H);Td
27	10J	1819.2018.100642	Lê Thành Phát	Nam	10c10: TLH02 (P.10K);Td
28	10J	1819.2018.100209	Nguyễn Kim Phụng	Nữ	10c12: TVA02 (P.10M);L
29	10J	1819.2018.100402	Trần Nguyễn Minh Phương	Nữ	10c13: TVA03 (P.10M);S
30	10J	1819.2018.100375	Nguyễn Đặng Hồng Quyên	Nữ	10c09: TLH01 (P.10J);S
31	10J	1819.2018.100260	Võ Mạnh Quỳnh	Nam	10c03: TAL02 (P.10C);H
32	10J	1819.2018.100358	Ngô Nguyễn Minh Tâm	Nữ	10c12: TVA02 (P.10M);P
33	10J	1819.2018.100495	Nguyễn Đức Thanh	Nam	10c01: TAH (P.10A);TIN
34	10J	1819.2018.100227	Nguyễn Huỳnh Thanh Thảo	Nữ	10c08: THS (P.10H);Td
35	10J	1819.2018.100464	Lê Thị Phương Thảo	Nữ	10c01: TAH (P.10A);Td
36	10J	1819.2018.100552	Nguyễn Phương Thảo	Nữ	10c14: TVA04 (P.10P);H
37	10J	1819.2018.100618	Lê Thị Thanh Thúy	Nữ	10c09: TLH01 (P.10J);TIN
38	10J	1819.2018.100320	Phạm Phương Bảo Trâm	Nữ	10c12: TVA02 (P.10M);L
39	10J	1819.2018.100376	Nguyễn Thành Triển	Nam	10c13: TVA03 (P.10M);Td
40	10J	1819.2018.100641	Trương Thị Thanh Tuyền	Nữ	10c09: TLH01 (P.10J);S
41	10J	1819.2018.100258	Cao Hà Thị Ngọc Tuyết	Nữ	10c01: TAH (P.10A);Td
42	10J	1819.2018.100302	Hồ Ngọc Ánh Tuyết	Nữ	10c10: TLH02 (P.10K);Td
43	10J	1819.2018.100465	Phạm Lê Thanh Tú	Nữ	10c01: TAH (P.10A);P
44	10J	1819.2018.100617	Võ Minh Văn	Nam	10c06: TALH01 (P.10F);
45	10J	1819.2018.100183	Đặng Khả Vân	Nữ	10c01: TAH (P.10A);TIN
46	10J	1819.2018.100467	Trần Hoàng Anh Vũ	Nam	10c06: TALH01 (P.10F);
47	10J	1819.2018.100210	Châu Thanh Hạnh Vy	Nữ	10c12: TVA02 (P.10M);TIN
48	10J	1819.2018.100550	Trần Thị Bảo Yến	Nữ	10c14: TVA04 (P.10P);Td

STTL	Lớp	Mahs1819	Họ tên	Phái	Lớp buổi 2: Môn, phòng
1	10K	1819.2018.100076	Nguyễn Hồng Anh	Nam	10c06: TALH01 (P.10F);
2	10K	1819.2018.100142	Trần Đức Anh	Nam	10c01: TAH (P.10A);TIN
3	10K	1819.2018.100107	Lê Tú Ái	Nữ	10c02: TAL01 (P.10B);TIN
4	10K	1819.2018.100114	Phạm Trần Gia Bảo	Nam	10c07: TALH02 (P.10G);
5	10K	1819.2018.100067	Phạm Hoàng Linh Chi	Nữ	10c11: TVA01 (P.10L);TIN
6	10K	1819.2018.100115	Nguyễn Phạm Hoàng Dung	Nữ	10c09: TLH01 (P.10J);TIN
7	10K	1819.2018.100188	Nguyễn Võ Hoàng Duy	Nam	10c11: TVA01 (P.10L);L
8	10K	1819.2018.100129	Lê Văn Đạt	Nam	10c10: TLH02 (P.10K);Td
9	10K	1819.2018.100012	Chu Ngọc Hà	Nữ	10c02: TAL01 (P.10B);P
10	10K	1819.2018.100008	Nguyễn Phan Thanh Hào	Nam	10c09: TLH01 (P.10J);S
11	10K	1819.2018.100163	Lê Nguyễn Hoàng Hải	Nam	10c06: TALH01 (P.10F);
12	10K	1819.2018.100041	Nguyễn Hoàng Hiếu	Nam	10c02: TAL01 (P.10B);TIN
13	10K	1819.2018.100090	Nguyễn Trung Hiếu	Nam	10c11: TVA01 (P.10L);L
14	10K	1819.2018.100031	Lê Võ Hương Huyền	Nữ	10c11: TVA01 (P.10L);L
15	10K	1819.2018.100050	Lê Nguyễn Gia Hưng	Nam	10c02: TAL01 (P.10B);TIN
16	10K	1819.2018.100153	Nguyễn Hưng	Nam	10c07: TALH02 (P.10G);
17	10K	1819.2018.100058	Thái Hoàng Phúc Khang	Nam	10c08: THS (P.10H);TIN
18	10K	1819.2018.100078	Trần Doãn Gia Khánh	Nữ	10c11: TVA01 (P.10L);L
19	10K	1819.2018.100003	Nguyễn Minh Khuê	Nam	10c07: TALH02 (P.10G);
20	10K	1819.2018.100262	Nguyễn Ngọc Thiên Kim	Nữ	10c09: TLH01 (P.10J);S
21	10K	1819.2018.100026	Đỗ Tấn Lộc	Nam	10c02: TAL01 (P.10B);TIN
22	10K	1819.2018.100136	Võ Thị Tuyết Mai	Nữ	10c11: TVA01 (P.10L);
23	10K	1819.2018.100085	Bùi Thị Kim Ngân	Nữ	10c07: TALH02 (P.10G);
24	10K	1819.2018.100016	Nguyễn Thị Trúc Ngân	Nữ	10c02: TAL01 (P.10B);Td
25	10K	1819.2018.100162	Đặng Tôn Thảo Nghi	Nữ	10c02: TAL01 (P.10B);TIN
26	10K	1819.2018.100043	Nguyễn Vĩnh Nghi	Nam	10c07: TALH02 (P.10G);
27	10K	1819.2018.100057	Chung Bảo Ngọc	Nữ	10c07: TALH02 (P.10G);
28	10K	1819.2018.100185	Nguyễn Đoàn Bình Nguyên	Nữ	10c03: TAL02 (P.10C);H
29	10K	1819.2018.100128	Trần Phan Thảo Nguyên	Nữ	10c02: TAL01 (P.10B);TIN
30	10K	1819.2018.100097	Vũ Trung Nguyên	Nam	10c05: TAL04 (P.10E);Td
31	10K	1819.2018.100187	Lưu Yến Nhi	Nữ	10c11: TVA01 (P.10L);L
32	10K	1819.2018.100143	Nguyễn Trần Thiên Nhi	Nữ	10c02: TAL01 (P.10B);TIN
33	10K	1819.2018.100116	Đặng Lâm Thu Phương	Nữ	10c11: TVA01 (P.10L);Td
34	10K	1819.2018.100108	Nguyễn Phạm Thanh Phương	Nữ	10c06: TALH01 (P.10F);
35	10K	1819.2018.100042	Nguyễn Anh Quỳnh	Nữ	10c06: TALH01 (P.10F);
36	10K	1819.2018.100144	Lê Quốc Sang	Nam	10c10: TLH02 (P.10K);Td
37	10K	1819.2018.100089	Lý Hoàng Tâm	Nữ	10c02: TAL01 (P.10B);Td
38	10K	1819.2018.100164	Lê Xuân Thành	Nam	10c11: TVA01 (P.10L);H
39	10K	1819.2018.100015	Trần Hữu Thuận	Nam	10c08: THS (P.10H);Td
40	10K	1819.2018.100066	Uông Đức Thuận	Nam	10c11: TVA01 (P.10L);P
41	10K	1819.2018.100154	Trần Lê Phương Thuý	Nữ	10c07: TALH02 (P.10G);
42	10K	1819.2018.100186	Từ Trung Tín	Nam	10c07: TALH02 (P.10G);
43	10K	1819.2018.100127	Đinh Hồ Trọng Tính	Nam	10c01: TAH (P.10A);Td
44	10K	1819.2018.100244	Đào Thị Minh Trang	Nữ	10c09: TLH01 (P.10J);S
45	10K	1819.2018.100056	Ngô Thị Mai Trinh	Nữ	10c05: TAL04 (P.10E);H
46	10K	1819.2018.100021	Huỳnh Anh Tú	Nam	10c02: TAL01 (P.10B);Td
47	10K	1819.2018.100007	Trần Hoàng Anh Tú	Nam	10c02: TAL01 (P.10B);Td
48	10K	1819.2018.100022	Dương Mỹ Uyên	Nữ	10c02: TAL01 (P.10B);Td
49	10K	1819.2018.100077	Trần Phan Thanh Vân	Nữ	10c06: TALH01 (P.10F);
50	10K	1819.2018.100165	Lý Phương Vy	Nữ	10c11: TVA01 (P.10L);L

STTL	Lớp	Mahs1819	Họ tên	Phái	Lớp buổi 2: Môn, phòng
1	10L	1819.2018.100531	Tô Tuệ Anh	Nữ	10c14: TVA04 (P.10P);TIN
2	10L	1819.2018.100441	Phạm Nguyễn Hồng Ân	Nam	10c04: TAL03 (P.10D);TIN
3	10L	1819.2018.100263	Hồ Kim Chi	Nữ	10c07: TALH02 (P.10G);
4	10L	1819.2018.100340	Nguyễn Hoàng Danh	Nam	10c12: TVA02 (P.10M);L
5	10L	1819.2018.100577	Lâm Đường Ngọc Duy	Nam	10c14: TVA04 (P.10P);L
6	10L	1819.2018.100303	Phạm Tiến Đạt	Nam	10c09: TLH01 (P.10J);TIN
7	10L	1819.2018.100245	Trần Quốc Đạt	Nam	10c12: TVA02 (P.10M);Td
8	10L	1819.2018.100378	Nguyễn Duy Đức	Nam	10c04: TAL03 (P.10D);TIN
9	10L	1819.2018.100211	Nguyễn Đình Bảo Gia	Nam	10c03: TAL02 (P.10C);H
10	10L	1819.2018.100379	Phan Nguyễn Kim Vân Giang	Nữ	10c13: TVA03 (P.10M);H
11	10L	1819.2018.100322	Say Quỳnh Giang	Nữ	10c12: TVA02 (P.10M);H
12	10L	1819.2018.100403	Phan Đặng Gia Hân	Nữ	10c13: TVA03 (P.10M);H
13	10L	1819.2018.100360	Nguyễn Phước Minh Hậu	Nam	10c12: TVA02 (P.10M);H
14	10L	1819.2018.100527	Lưu Gia Huy	Nam	10c14: TVA04 (P.10P);L
15	10L	1819.2018.100469	Trần Thị Kamy	Nữ	10c13: TVA03 (P.10M);Td
16	10L	1819.2018.100442	Nguyễn Hoàng Khang	Nam	10c04: TAL03 (P.10D);P
17	10L	1819.2018.100528	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	10c14: TVA04 (P.10P);Td
18	10L	1819.2018.100444	Sơn Tiến Lộc	Nam	10c13: TVA03 (P.10M);H
19	10L	1819.2018.100622	Trần Thị Ngọc Lợi	Nữ	10c08: THS (P.10H);Td
20	10L	1819.2018.100440	Trần Văn Cát Lượng	Nam	10c04: TAL03 (P.10D);Td
21	10L	1819.2018.100668	Mach Na Po Ly	Nam	10c05: TAL04 (P.10E);Td
22	10L	1819.2018.100189	Nguyễn Thị Cẩm Ly	Nữ	10c03: TAL02 (P.10C);TIN
23	10L	1819.2018.100443	Uông Thanh Mai	Nữ	10c13: TVA03 (P.10M);S
24	10L	1819.2018.100265	Lê Thị Thúy Nga	Nữ	10c12: TVA02 (P.10M);H
25	10L	1819.2018.100341	Trần Huỳnh Ngọc Nga	Nữ	10c12: TVA02 (P.10M);TIN
26	10L	1819.2018.100526	Mai Mộng Ngân	Nữ	10c07: TALH02 (P.10G);
27	10L	1819.2018.100274	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	Nữ	10c12: TVA02 (P.10M);L
28	10L	1819.2018.100359	Nguyễn- Trần- Bảo Nghi	Nữ	10c12: TVA02 (P.10M);H
29	10L	1819.2018.100620	Nguyễn Thanh Quỳnh Như	Nữ	10c05: TAL04 (P.10E);H
30	10L	1819.2018.100264	Cao Thiên Phúc	Nam	10c12: TVA02 (P.10M);Td
31	10L	1819.2018.100420	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh	Nữ	10c07: TALH02 (P.10G);
32	10L	1819.2018.100323	Hồ Thanh Vinh Sang	Nam	10c12: TVA02 (P.10M);H
33	10L	1819.2018.100228	Song In Seok	Nam	10c12: TVA02 (P.10M);TIN
34	10L	1819.2018.100621	Trịnh Quốc Thái	Nam	10c07: TALH02 (P.10G);
35	10L	1819.2018.100212	Nguyễn Hà Phương Thảo	Nữ	10c07: TALH02 (P.10G);
36	10L	1819.2018.100645	Nguyễn Minh Thuận	Nam	10c14: TVA04 (P.10P);TIN
37	10L	1819.2018.100530	Nguyễn Vũ Thuận	Nam	10c14: TVA04 (P.10P);L
38	10L	1819.2018.100670	Nguyễn Thị Bích Thùy	Nữ	10c14: TVA04 (P.10P);S
39	10L	1819.2018.100468	Nguyễn Đào Thu Thủy	Nữ	10c08: THS (P.10H);L
40	10L	1819.2018.100321	Nguyễn Ngọc Anh Thư	Nữ	10c07: TALH02 (P.10G);
41	10L	1819.2018.100644	Phạm Anh Thư	Nữ	10c07: TALH02 (P.10G);
42	10L	1819.2018.100529	Phùng Đỗ Ngọc Cẩm Tiên	Nữ	10c14: TVA04 (P.10P);H
43	10L	1819.2018.100496	Đào Quyết Tiến	Nam	10c07: TALH02 (P.10G);
44	10L	1819.2018.100643	Trần Quang Trung	Nam	10c01: TAH (P.10A);Td
45	10L	1819.2018.100669	Tống Khánh Vân	Nữ	10c07: TALH02 (P.10G);
46	10L	1819.2018.100578	Lê Hoàng Phương Vy	Nữ	10c14: TVA04 (P.10P);P
47	10L	1819.2018.100596	Huỳnh Thị Kim Yến	Nữ	10c14: TVA04 (P.10P);L

STTL	Lớp	Mahs1819	Họ tên	Phái	Lớp buổi 2: Môn, phòng
1	10M	1819.2018.100421	Nguyễn Phạm Tiến Anh	Nam	10c01: TAH (P.10A);Td
2	10M	1819.2018.100304	Hồ Trịnh Thạch Bình	Nam	10c03: TAL02 (P.10C);Td
3	10M	1819.2018.100380	Phạm Lê Khánh Duy	Nam	10c01: TAH (P.10A);Td
4	10M	1819.2018.100383	Phạm Thùy Dương	Nữ	10c10: TLH02 (P.10K);Td
5	10M	1819.2018.100671	Trần Minh Điền	Nam	10c01: TAH (P.10A);Td
6	10M	1819.2018.100497	Lê Văn Đông	Nam	10c10: TLH02 (P.10K);Td
7	10M	1819.2018.100344	Hoàng Mai Hiền	Nữ	10c12: TVA02 (P.10M);L
8	10M	1819.2018.100382	Trần Minh Huy	Nam	10c07: TALH02 (P.10G);
9	10M	1819.2018.100673	Nguyễn Ngọc Quỳnh Hương	Nữ	10c07: TALH02 (P.10G);
10	10M	1819.2018.100579	Ngô Vương Khang	Nam	10c01: TAH (P.10A);Td
11	10M	1819.2018.100598	Đinh Hữu Đăng Khoa	Nam	10c05: TAL04 (P.10E);TIN
12	10M	1819.2018.100229	Bùi Trung Kiên	Nam	10c01: TAH (P.10A);Td
13	10M	1819.2018.100246	Lữ Anh Kiệt	Nam	10c10: TLH02 (P.10K);P
14	10M	1819.2018.100342	Nguyễn Dương Kiệt	Nam	10c03: TAL02 (P.10C);Td
15	10M	1819.2018.100623	Nguyễn Trương Tuấn Kiệt	Nam	10c05: TAL04 (P.10E);Td
16	10M	1819.2018.100554	Đoàn Hoàng Nam	Nam	10c01: TAH (P.10A);TIN
17	10M	1819.2018.100470	Trần Nhật Nam	Nam	10c04: TAL03 (P.10D);TIN
18	10M	1819.2018.100230	Đặng Huỳnh Thu Ngân	Nữ	10c07: TALH02 (P.10G);
19	10M	1819.2018.100231	Nguyễn Hà Thanh Ngân	Nữ	10c12: TVA02 (P.10M);TIN
20	10M	1819.2018.100422	Nguyễn Phan Kim Ngân	Nữ	10c04: TAL03 (P.10D);H
21	10M	1819.2018.100597	Văn Ngọc Ngân	Nữ	10c01: TAH (P.10A);Td
22	10M	1819.2018.100646	Nguyễn Huỳnh Bảo Ngọc	Nữ	10c01: TAH (P.10A);P
23	10M	1819.2018.100599	Trần Võ Nguyên	Nam	10c09: TLH01 (P.10J);TIN
24	10M	1819.2018.100288	Võ Lê Tuyết Nhi	Nữ	10c03: TAL02 (P.10C);Td
25	10M	1819.2018.100343	Hồ Thị Ngọc Phụng	Nữ	10c10: TLH02 (P.10K);Td
26	10M	1819.2018.100471	Trần Ngọc Quang	Nam	10c04: TAL03 (P.10D);P
27	10M	1819.2018.100213	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Nữ	10c05: TAL04 (P.10E);Td
28	10M	1819.2018.100580	Nguyễn Thị Sương	Nữ	10c07: TALH02 (P.10G);
29	10M	1819.2018.100672	Trần Minh Tâm	Nam	10c05: TAL04 (P.10E);TIN
30	10M	1819.2018.100404	Nguyễn Đặng Phương Thảo	Nữ	10c01: TAH (P.10A);Td
31	10M	1819.2018.100287	Nguyễn Hoàng Đăng Thi	Nữ	10c01: TAH (P.10A);P
32	10M	1819.2018.100647	Vũ Nguyễn Minh Thiện	Nam	10c10: TLH02 (P.10K);Td
33	10M	1819.2018.100275	Đoàn Cẩm Thy	Nữ	10c01: TAH (P.10A);P
34	10M	1819.2018.100445	Nguyễn Thụy Anh Thy	Nữ	10c01: TAH (P.10A);P
35	10M	1819.2018.100625	Đỗ Cẩm Tiên	Nữ	10c07: TALH02 (P.10G);
36	10M	1819.2018.100446	Nguyễn Anh Nhật Tiến	Nam	10c04: TAL03 (P.10D);H
37	10M	1819.2018.100532	Mai Tuyết Trinh	Nữ	10c05: TAL04 (P.10E);Td
38	10M	1819.2018.100624	Phạm Thị Thanh Trúc	Nữ	10c05: TAL04 (P.10E);S
39	10M	1819.2018.100276	Cao Nhữ Đình Trường	Nam	10c03: TAL02 (P.10C);Td
40	10M	1819.2018.100381	Nguyễn Trọng Mỹ Tuyền	Nữ	10c04: TAL03 (P.10D);TIN
41	10M	1819.2018.100555	Trần Thị Kim Vân	Nữ	10c04: TAL03 (P.10D);Td
42	10M	1819.2018.100289	Huỳnh Thị Trúc Vi	Nữ	10c10: TLH02 (P.10K);P
43	10M	1819.2018.100473	Nguyễn Thị Tường Vi	Nữ	10c09: TLH01 (P.10J);S
44	10M	1819.2018.100190	Nguyễn Đan Vy	Nữ	10c07: TALH02 (P.10G);
45	10M	1819.2018.100472	Phùng Ngọc Thúy Vy	Nữ	10c07: TALH02 (P.10G);
46	10M	1819.2018.100556	Trần Ngọc Tuyền Vy	Nữ	10c14: TVA04 (P.10P);P
47	10M	1819.2018.100553	Trần Thị Khánh Vy	Nữ	10c01: TAH (P.10A);TIN
48	10M	1819.2018.100678	Lai Xuân YẾN	Nữ	10c05: TAL04 (P.10E);Td

STTL	Lớp	Mahs1819	Họ tên	Phái	Lớp buổi 2: Môn, phòng
1	10N	1819.2018.100017	Nguyễn Đức An	Nam	10c02: TAL01 (P.10B);P
2	10N	1819.2018.100305	Đặng Đức Anh	Nam	10c07: TALH02 (P.10G);
3	10N	1819.2018.100027	Nguyễn Ngọc Minh Anh	Nữ	10c07: TALH02 (P.10G);
4	10N	1819.2018.100091	Nguyễn Trâm Anh	Nữ	10c02: TAL01 (P.10B);Td
5	10N	1819.2018.100155	Trần Đức Anh	Nam	10c02: TAL01 (P.10B);TIN
6	10N	1819.2018.100168	Ngô Đăng Hồng Anh	Nữ	10c07: TALH02 (P.10G);
7	10N	1819.2018.100423	Lâm Gia Bảo	Nam	10c04: TAL03 (P.10D);Td
8	10N	1819.2018.100193	Trần Quỳnh Châu	Nữ	10c11: TVA01 (P.10L);L
9	10N	1819.2018.100068	Trần Thị Lan Chi	Nữ	10c02: TAL01 (P.10B);P
10	10N	1819.2018.100166	Phạm Nhật Duy	Nam	10c03: TAL02 (P.10C);Td
11	10N	1819.2018.100044	Hoàng Đức	Nam	10c07: TALH02 (P.10G);
12	10N	1819.2018.100079	Vũ Ngọc Việt Hà	Nữ	10c02: TAL01 (P.10B);Td
13	10N	1819.2018.100033	Tô Duy Nguyễn Hoàng	Nam	10c07: TALH02 (P.10G);
14	10N	1819.2018.100053	Đinh Hà Khánh Hội	Nam	10c07: TALH02 (P.10G);
15	10N	1819.2018.100117	Lê Quốc Huy	Nam	10c10: TLH02 (P.10K);S
16	10N	1819.2018.100009	Nguyễn Trần Hoàng Huy	Nam	10c09: TLH01 (P.10J);TIN
17	10N	1819.2018.100098	Vũ Quang Khôi	Nam	10c02: TAL01 (P.10B);Td
18	10N	1819.2018.100069	Hà Hữu Thiên Kim	Nữ	10c02: TAL01 (P.10B);P
19	10N	1819.2018.100060	Nguyễn Thị Hà Liễu	Nữ	10c09: TLH01 (P.10J);TIN
20	10N	1819.2018.100131	Đặng Thanh Xuân Mai	Nữ	10c02: TAL01 (P.10B);P
21	10N	1819.2018.100099	Phạm Hoàng Minh	Nam	10c02: TAL01 (P.10B);Td
22	10N	1819.2018.100157	Lý Kim Ngân	Nữ	10c10: TLH02 (P.10K);S
23	10N	1819.2018.100023	Tạ Nguyễn Kim Ngân	Nữ	10c07: TALH02 (P.10G);
24	10N	1819.2018.100013	Vũ Hồng Ngân	Nữ	10c11: TVA01 (P.10L);L
25	10N	1819.2018.100119	Lê Phương Nghi	Nữ	10c11: TVA01 (P.10L);L
26	10N	1819.2018.100034	Mai Phạm Bảo Ngọc	Nữ	10c10: TLH02 (P.10K);P
27	10N	1819.2018.100046	Lưu Tấn Phong	Nam	10c09: TLH01 (P.10J);TIN
28	10N	1819.2018.100137	Lê Đại Phú	Nam	10c02: TAL01 (P.10B);P
29	10N	1819.2018.100167	Trần Hoàng Tấn Phúc	Nam	10c03: TAL02 (P.10C);TIN
30	10N	1819.2018.100004	Trần Minh Quang	Nam	10c07: TALH02 (P.10G);
31	10N	1819.2018.100028	Phan Đào Quán Quân	Nam	10c07: TALH02 (P.10G);
32	10N	1819.2018.100045	Nguyễn Thị Phương Quyên	Nữ	10c02: TAL01 (P.10B);S
33	10N	1819.2018.100191	Nguyễn Thanh Tân	Nam	10c03: TAL02 (P.10C);Td
34	10N	1819.2018.100059	Nguyễn Tấn Thành	Nam	10c07: TALH02 (P.10G);
35	10N	1819.2018.100080	Nguyễn Quang Thái	Nam	10c02: TAL01 (P.10B);TIN
36	10N	1819.2018.100118	Huỳnh Anh Thư	Nữ	10c10: TLH02 (P.10K);S
37	10N	1819.2018.100145	Nguyễn Giao Kim Thư	Nữ	10c02: TAL01 (P.10B);TIN
38	10N	1819.2018.100324	Đặng Khánh Tiên	Nữ	10c03: TAL02 (P.10C);P
39	10N	1819.2018.100146	Phạm Trung Tín	Nam	10c02: TAL01 (P.10B);S
40	10N	1819.2018.100109	Đỗ Thị Thùy Trang	Nữ	10c11: TVA01 (P.10L);L
41	10N	1819.2018.100192	Lê Vũ Thanh Trâm	Nữ	10c10: TLH02 (P.10K);S
42	10N	1819.2018.100156	Phan Lê Chí Trung	Nam	10c09: TLH01 (P.10J);TIN
43	10N	1819.2018.100092	Phan Tấn Tú	Nam	10c02: TAL01 (P.10B);Td
44	10N	1819.2018.100100	Đoàn Võ Triệu Vy	Nữ	10c02: TAL01 (P.10B);TIN
45	10N	1819.2018.100130	Khuất Hồng Trúc Vy	Nữ	10c02: TAL01 (P.10B);Td
46	10N	1819.2018.100138	Lý Thanh Vy	Nữ	10c05: TAL04 (P.10E);TIN
47	10N	1819.2018.100081	Ngô Phương Vy	Nữ	10c07: TALH02 (P.10G);
48	10N	1819.2018.100169	Trần Đình Thủy Vy	Nữ	10c11: TVA01 (P.10L);L
49	10N	1819.2018.100061	Võ Ngọc Tường Vy	Nữ	10c11: TVA01 (P.10L);L

STTL	Lớp	Mahs1819	Họ tên	Phái	Lớp buổi 2: Môn, phòng
1	10P	1819.2018.100196	Diệp Như Anh	Nữ	10c07: TALH02 (P.10G);
2	10P	1819.2018.100133	Nguyễn Thanh Tú Anh	Nữ	10c11: TVA01 (P.10L);Td
3	10P	1819.2018.100110	Nguyễn Thùy Vân Anh	Nữ	10c07: TALH02 (P.10G);
4	10P	1819.2018.100122	Nguyễn Hoàng Khánh Bằng	Nữ	10c11: TVA01 (P.10L);P
5	10P	1819.2018.100070	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Nữ	10c02: TAL01 (P.10B);Td
6	10P	1819.2018.100029	Nguyễn Tấn Đạt	Nam	10c02: TAL01 (P.10B);TIN
7	10P	1819.2018.100103	Nguyễn Hữu Đức	Nam	10c07: TALH02 (P.10G);
8	10P	1819.2018.100139	Lê Minh Hải	Nam	10c02: TAL01 (P.10B);TIN
9	10P	1819.2018.100082	Lương Ngọc Bảo Hân	Nữ	10c11: TVA01 (P.10L);TIN
10	10P	1819.2018.100149	Nguyễn Hữu Minh Hiếu	Nam	10c11: TVA01 (P.10L);
11	10P	1819.2018.100170	Nguyễn Văn Hiệp	Nam	10c03: TAL02 (P.10C);Td
12	10P	1819.2018.100072	Bùi Gia Huy	Nam	10c07: TALH02 (P.10G);
13	10P	1819.2018.100071	Vũ Đức Hùng	Nam	10c07: TALH02 (P.10G);
14	10P	1819.2018.100018	Trần Minh Hưng	Nam	10c07: TALH02 (P.10G);
15	10P	1819.2018.100173	Nguyễn Thị Thi Hương	Nữ	10c11: TVA01 (P.10L);H
16	10P	1819.2018.100147	Hồ Nhã Khuê	Nữ	10c02: TAL01 (P.10B);TIN
17	10P	1819.2018.100074	Lâm Gia Linh	Nữ	10c11: TVA01 (P.10L);H
18	10P	1819.2018.100172	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Nữ	10c08: THS (P.10H);L
19	10P	1819.2018.100036	Kuah Lui Minh	Nữ	10c02: TAL01 (P.10B);P
20	10P	1819.2018.100087	Đặng Ngọc Hà My	Nữ	10c09: TLH01 (P.10J);TIN
21	10P	1819.2018.100199	Nguyễn Huỳnh Kim Ngân	Nữ	10c11: TVA01 (P.10L);H
22	10P	1819.2018.100093	Trần Thị Thùy Ngân	Nữ	10c07: TALH02 (P.10G);
23	10P	1819.2018.100198	Tạ Trần Gia Nghi	Nữ	10c07: TALH02 (P.10G);
24	10P	1819.2018.100159	Nguyễn Lê Dương Ngọc	Nữ	10c07: TALH02 (P.10G);
25	10P	1819.2018.100266	Nguyễn Thanh Thiện Nhân	Nam	10c09: TLH01 (P.10J);TIN
26	10P	1819.2018.100073	Hán Văn Nhất	Nam	10c10: TLH02 (P.10K);Td
27	10P	1819.2018.100010	Lê Hải Phụng	Nam	10c07: TALH02 (P.10G);
28	10P	1819.2018.100014	Huỳnh Lê Quế Phương	Nữ	10c13: TVA03 (P.10M);H
29	10P	1819.2018.100051	Nguyễn Trần Mai Phương	Nữ	10c07: TALH02 (P.10G);
30	10P	1819.2018.100447	Nguyễn Đức Quang	Nam	10c10: TLH02 (P.10K);Td
31	10P	1819.2018.100101	Phan Hồng Quân	Nam	10c01: TAH (P.10A);TIN
32	10P	1819.2018.100024	Nguyễn Thị Xuân Quỳnh	Nữ	10c07: TALH02 (P.10G);
33	10P	1819.2018.100104	Tạ Diễm Quỳnh	Nữ	10c11: TVA01 (P.10L);L
34	10P	1819.2018.100047	Nguyễn Đức Quý	Nam	10c10: TLH02 (P.10K);Td
35	10P	1819.2018.100035	Nguyễn Văn Tài	Nam	10c02: TAL01 (P.10B);Td
36	10P	1819.2018.100158	Phạm Duy Tân	Nam	10c02: TAL01 (P.10B);Td
37	10P	1819.2018.100171	Trương Phúc Thành	Nam	10c03: TAL02 (P.10C);Td
38	10P	1819.2018.100086	Lê Quang Thắng	Nam	10c02: TAL01 (P.10B);S
39	10P	1819.2018.100195	Lê Quốc Tín	Nam	10c03: TAL02 (P.10C);S
40	10P	1819.2018.100102	Phạm Thành Tín	Nam	10c02: TAL01 (P.10B);P
41	10P	1819.2018.100054	Võ Trần Quốc Trọng	Nam	10c01: TAH (P.10A);TIN
42	10P	1819.2018.100132	Phạm Thành Trung	Nam	10c09: TLH01 (P.10J);TIN
43	10P	1819.2018.100094	Ngô Quang Trường	Nam	10c11: TVA01 (P.10L);Td
44	10P	1819.2018.100197	Phan Điền Mỹ Tuyền	Nữ	10c07: TALH02 (P.10G);
45	10P	1819.2018.100120	Huỳnh Vũ Tuấn Tú	Nam	10c07: TALH02 (P.10G);
46	10P	1819.2018.100148	Đinh Ngọc Loan Vy	Nữ	10c11: TVA01 (P.10L);TIN
47	10P	1819.2018.100032	Trần Khánh Vy	Nữ	10c14: TVA04 (P.10P);L
48	10P	1819.2018.100121	Nguyễn Thị Kim Xuyên	Nữ	10c07: TALH02 (P.10G);
49	10P	1819.2018.100194	Đoàn Yến	Nữ	10c03: TAL02 (P.10C);Td